

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOA LƯ
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2023

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Hữu Thanh

2. Ông Nguyễn Văn Khuyến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Huy Hiệp - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2023 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/6/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị Bích N, sinh năm: 2000, trú tại: thôn T, xã Trường Y, huyện H, tỉnh Ninh Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Hoàng A, sinh năm: 1998, trú tại: xóm Tân M, xã Ninh M, huyện H, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27/02/2023, trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Phạm Hoàng A đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ninh M, huyện H, tỉnh Ninh Bình vào ngày 11/3/2022. Sau khi kết hôn, vợ chồng ở tại nhà bố mẹ anh Hoàng A ở xóm Tân M, xã Ninh M. Mặc dù tự nguyện kết hôn nhưng khi về sống cùng nhau thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhiều lần tranh cãi nhau. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Hoàng A không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi qua đêm, có những lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị, không đóng góp tiền để chị trang trải sinh hoạt gia đình. Chị đã nhiều lần nói chuyện, hàn gắn

tình cảm với anh Hoàng A nhưng anh Hoàng A không thay đổi. Từ 15/8/2022 đến nay, chị đã đưa con về ở hẳn nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Trường Y, sống ly thân với anh Hoàng A. Chị N xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung với nhau, yêu cầu toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng A. Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 28/7/2022. Từ trước đến giờ, việc nuôi con do mình chị lo liệu và cháu Đ còn nhỏ nên chị đề nghị được trực tiếp nuôi con khi ly hôn, anh Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con là 3.000.000 đồng/tháng. Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị xin chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của bị đơn: Tại bản tự khai, anh Phạm Hoàng A xác định thời gian kết hôn, chung sống, ly thân, con chung, tài sản chung, công nợ chung đúng như chị N đã trình bày. Anh Hoàng A cũng xác định thời gian vợ chồng chung sống đã nhiều lần xảy ra tranh cãi với nhau, nguyên nhân do tính tình của vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Chị N xin ly hôn, anh Hoàng A nhất trí ly hôn, đề nghị tòa án giao con chung là cháu Phạm Hoàng Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Anh Hoàng A nhất trí để chị N nộp toàn bộ án phí giải quyết vụ án. Quá trình hoà giải và tại phiên tòa, anh Hoàng A vắng mặt, không có lý do.

Quá trình xác minh tại địa phương xóm Tân M, xã Ninh M cho thấy: Vợ chồng anh Hoàng A, chị N chung sống cùng nhau ở xóm Tân M, xã Ninh M. Từ tháng 8/2022, chị N đưa theo con sinh năm 2022 về sống với bố mẹ đẻ ở thôn T, xã Trường Y. Vợ chồng anh Hoàng A, chị N mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội xử cho chị N ly hôn anh Hoàng A; giao con chung cho chị N nuôi dưỡng, anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng, có quyền thăm nom con chung; chị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh Hoàng A phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Anh Hoàng A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Quan hệ hôn nhân giữa anh Hoàng A và chị N là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ lời khai của chị N và anh Hoàng A cũng như nội dung do chính quyền cơ sở nơi anh Hoàng A, chị N chung sống cung cấp, HĐXX nhận định: trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên anh Hoàng A, chị N nhiều lần tranh cãi nhau dẫn đến chị N bỏ về sống cùng bố mẹ đẻ của chị N từ 15/8/2022. Anh Hoàng A và chị N đã sống ly thân được gần một năm. Anh Hoàng A thể hiện quan điểm nhất trí ly hôn với chị N và không có mặt tại toà án để tham gia phiên hoà giải cũng như phiên toà xét xử vụ án cho thấy anh Hoàng A không quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa anh và chị N, không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng. HĐXX xác định mâu thuẫn giữa anh Hoàng A và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cần chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn với anh Hoàng A theo quy định tại khoản 1 điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Hoàng A và chị N có 01 con chung như chị N đã trình bày. Xét thấy, cháu Phạm Hoàng Đ dưới 36 tháng tuổi, chị N có đủ điều kiện để chăm lo cho con chung, anh Hoàng A không có ý kiến tranh chấp nên cần giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh Hoàng A và chị N thống nhất được mức cấp dưỡng nuôi con chung là 3.000.000 đồng/tháng nên cần chấp nhận.

[4] Anh Hoàng A, chị N không có yêu cầu tòa án giải quyết về chia tài sản chung, công nợ chung khi ly hôn nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Chị Nc là nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Hoàng A phải nộp án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Hoàng A có ý kiến đề nghị chị N nộp toàn bộ án phí giải quyết vụ án, chị N tự nguyện xin nộp toàn bộ án phí phù hợp với nguyên tắc tự định đoạt của đương sự nên cần xác định chị N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Hoàng A và chị Trịnh Thị Bích N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hoàng Đ, sinh ngày 26/7/2022 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Hoàng A phải đóng góp nuôi con chung cho chị N mỗi tháng là 3.000.000 (ba triệu) đồng

kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Hoàng A có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N. Khi cần thiết, anh Hoàng A, chị N có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị N phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002254 ngày 10/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoa Lư. Chị N còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- UBND xã Ninh M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã Ký)

Vũ Thị Kim Oanh